

# HOÀN THIỆN HỆ THỐNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT Ở VIỆT NAM NHẪM THI HÀNH HIẾN CHƯƠNG ASEAN

PGS.TS. TRẦN NGỌC DŨNG \*

**1. Vai trò của giáo dục pháp luật trong sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế-xã hội, tăng cường hội nhập toàn diện của Việt Nam trong phạm vi ASEAN và quốc tế**

Theo Từ điển bách khoa Việt Nam: “*Giáo dục pháp luật là sự tác động định hướng của tổ hợp các quá trình xây dựng pháp luật, áp dụng pháp luật, tuyên truyền, giải thích pháp luật, nhằm nâng cao ý thức pháp luật*”.<sup>(1)</sup>

Giáo dục pháp luật được hiểu theo nghĩa hẹp và theo nghĩa rộng. Theo nghĩa hẹp, giáo dục pháp luật là hoạt động có định hướng của các cơ quan nhà nước, của các tổ chức xã hội nhằm mục đích tạo lập và nâng cao ý thức pháp luật của các công dân, cơ quan và tổ chức, làm cho nó trở thành lòng tin, mục đích, động cơ và thói quen của mỗi công dân. Theo nghĩa rộng, giáo dục pháp luật là quá trình tác động của các nhân tố chủ quan và khách quan đến việc xây dựng và nâng cao ý thức pháp luật của các công dân. Nhân tố khách quan là chế độ chính trị-xã hội, điều kiện kinh tế, môi trường sống của mỗi công dân. Nhân tố chủ quan là hoạt động có định hướng, có tổ chức, có hệ thống của các thể chế trong nhà nước và xã hội.

Như vậy, giáo dục pháp luật không chỉ là việc dạy pháp luật, giảng giải kiến thức pháp lí cho học sinh phổ thông các cấp học mà

còn bao gồm việc đào tạo kiến thức pháp luật chung, kiến thức pháp luật chuyên ngành ở cấp độ cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ trong các trường đại học, viện nghiên cứu. Đó còn là việc phổ biến, tuyên truyền, giải thích pháp luật, giáo dục ý thức tuân thủ và chấp hành pháp luật trong cộng đồng dân cư, trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội... Đó cũng còn là việc trang bị kiến thức lí luận và kĩ năng thực hành cho các cán bộ pháp luật chuyên nghiệp.

Trong sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế-xã hội, tăng cường hội nhập toàn diện và ngày càng sâu rộng của Việt Nam trong phạm vi khối ASEAN và trên phạm vi quốc tế, giáo dục nói chung, giáo dục pháp luật nói riêng giữ vai trò vô cùng quan trọng. Việc giáo dục pháp luật có tác dụng trang bị kiến thức pháp luật, xây dựng ý thức tuân thủ pháp luật, trang bị kĩ năng thi hành, áp dụng pháp luật ngay từ lúc các công dân nhỏ tuổi còn ngồi trên ghế nhà trường, khi họ được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cũng như khi họ hoạt động trong các lĩnh vực pháp luật chuyên ngành.

Giáo dục pháp luật giúp cho các công dân ý thức được một cách đúng đắn cũng như thực thi được một cách có hiệu quả các

\* Trường Đại học Luật Hà Nội

quyền hạn và nghĩa vụ của mỗi công dân và của mỗi cơ quan, tổ chức trong sự nghiệp xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, góp phần thiết thực vào việc phát triển kinh tế-xã hội của đất nước, thúc đẩy quá trình Việt Nam hội nhập về chính trị, kinh tế, văn hoá... ngày càng sâu rộng trong phạm vi khối ASEAN và trên toàn thế giới.

## **2. Chính sách của Nhà nước Việt Nam về giáo dục pháp luật**

Nhận thức được tầm quan trọng và vai trò của giáo dục pháp luật đối với sự nghiệp xây dựng Nhà nước và phát triển mọi mặt của đất nước, Nhà nước Việt Nam thường xuyên có chính sách quan tâm và tạo những điều kiện cần thiết, thuận lợi cho công cuộc giáo dục pháp luật tại Việt Nam.

Ngày 7/12/2007, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 61/2007 về việc đẩy mạnh công tác phổ biến và giáo dục pháp luật. Nghị quyết đã nêu rõ: *“Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật phải được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục và ở tầm cao hơn nhằm làm cho cán bộ, nhân dân hiểu biết và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”*.<sup>(2)</sup>

Chính sách của Nhà nước Việt Nam về bảo đảm và khuyến khích giáo dục pháp luật còn được thể hiện trong các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm và hàng năm do Quốc hội thông qua và Chính phủ chỉ đạo thực hiện. Chính sách của Nhà nước Việt Nam về giáo dục pháp luật còn được thể hiện rõ ràng trong các đạo luật do Quốc hội ban hành, trong các pháp lệnh của Ủy ban

thường vụ Quốc hội, trong các nghị định của Chính phủ, trong các thông tư, chỉ thị của các bộ, ngành và của các cơ quan nhà nước ở địa phương.

Để tạo ra nguồn lực quan trọng có tính quyết định sự thành công của sự nghiệp đổi mới toàn diện và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 2/11/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam, trong đó có giáo dục pháp luật, giai đoạn 2006 - 2020. Bộ giáo dục và đào tạo Việt Nam cũng đã xây dựng Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020 (giáo dục đại học ở đây được hiểu là bao gồm cả giáo dục pháp luật và được thực hiện ở nhiều cấp bậc, trình độ khác nhau, như đào tạo cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ). Đề án này đã nêu rõ những phương hướng và giải pháp sau:

- *“Thực hiện chế độ đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tạo điều kiện để người học tích lũy kiến thức, liên thông trong đào tạo các cấp học;*

- *Đổi mới cơ chế giao chỉ tiêu tuyển sinh... tăng quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học;*

- *Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ;*

- *Xây dựng lại chính sách học phí, chia sẻ chi phí giáo dục đại học giữa Nhà nước, người học và cộng đồng;*

- *Phân bổ ngân sách dựa trên sự đánh giá của xã hội đối với cơ sở giáo dục đại học;*

- *Tạo điều kiện để các cơ sở giáo dục đại học có quyền tự chủ cao trong thu chi theo*

*nguyên tắc lấy các nguồn thu bù đủ các khoản chi hợp lí, có tích lũy cần thiết để phát triển cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu”.*<sup>(3)</sup>

Chính sách của Nhà nước Việt Nam về giáo dục pháp luật được thể hiện cụ thể trong các hoạt động như: 1) Cấp kinh phí và phê duyệt, quản lí việc biên soạn, xuất bản các sách báo, giáo trình, tài liệu tuyên truyền, giải thích pháp luật, phổ biến kiến thức pháp luật; 2) Cấp kinh phí và quy định việc thu nộp tài chính cho việc đào tạo cán bộ pháp lí; 3) Cấp kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham khảo, học tập kinh nghiệm xây dựng và hoàn thiện pháp luật của các nước khác; 4) Quy định cơ chế và hệ thống các cơ sở đào tạo cán bộ pháp lí chuyên nghiệp trong nhiều lĩnh vực khác nhau; 5) Tổng kết và hệ thống hoá những kinh nghiệm giáo dục pháp luật trong và ngoài nước nhằm hoàn thiện sự nghiệp giáo dục pháp luật ở Việt Nam...

### **3. Hệ thống và chương trình giáo dục pháp luật của Việt Nam**

Hệ thống giáo dục pháp luật của Việt Nam có thể được đánh giá là khá đầy đủ và đa dạng. Hệ thống này bao gồm những cấp bậc giáo dục, đào tạo pháp luật khác nhau như sau:

#### *3.1. Giáo dục pháp luật trong trường phổ thông (từ trường tiểu học, trung học cơ sở đến trung học phổ thông)*

Giáo dục pháp luật trong trường phổ thông bao gồm việc biên soạn các sách giáo khoa về kiến thức pháp luật, giảng dạy cho các học sinh những kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật, pháp chế, ý thức tuân thủ và chấp hành pháp luật.

Chương trình giáo dục pháp luật ở đây bao gồm những bài học trên lớp, những buổi thực hành đơn giản, dễ hiểu để tạo ra ý thức tuân thủ pháp luật một cách tự nhiên, hứng thú trong học sinh, tạo thành thói quen thường ngày của học sinh.

#### *3.2. Giáo dục pháp luật ở bậc trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học*

Hệ thống giáo dục pháp luật này bao gồm việc biên soạn các sách giáo khoa, giáo trình, giảng dạy pháp luật cho nhiều đối tượng trong nhiều ngành, nghề khác nhau. Trong các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đại học không chuyên về luật, tài liệu học tập là các cuốn sách giáo khoa về pháp luật đại cương. Trong các trường chuyên về đào tạo cán bộ pháp lí, Nhà nước và các cơ sở đào tạo cùng đầu tư cho việc biên soạn sách giáo khoa, tài liệu học tập phong phú, chuyên sâu và giảng dạy các môn luật chuyên ngành.

Chương trình giáo dục pháp luật ở đây coi trọng việc cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật cho người học đồng thời hướng dẫn, tạo những điều kiện thuận lợi cho người học tự học, tự nghiên cứu và bước đầu nêu ra những quan điểm, chính kiến của mình về những vấn đề pháp luật. Chương trình này bao gồm những bài giảng lí thuyết và những buổi thảo luận, trao đổi, tranh luận về những kiến thức mà người học đã lĩnh hội được và nhận thức, quan điểm của người học, đó còn là những buổi thực hành áp dụng những kiến thức, kĩ năng thi hành pháp luật, áp dụng pháp luật đã tích lũy được.

#### *3.3. Giáo dục pháp luật ở bậc sau đại học*

Hệ thống giáo dục pháp luật ở bậc đào tạo này bao gồm việc đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ

luật trong số các cán bộ pháp lý chuyên nghiệp. Đây là việc đào tạo cán bộ pháp luật, các chuyên gia pháp lý có trình độ cao, có khả năng phát hiện, đề xuất và giải quyết có hiệu quả các vấn đề pháp lý thuộc nhiều lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế-xã hội của đất nước.

Chương trình giáo dục pháp luật ở đây bao gồm những chuyên đề cơ bản, chuyên sâu về nhiều lĩnh vực pháp luật chuyên ngành. Chương trình này coi trọng việc nâng cao trình độ lý luận pháp luật của người học, trang bị và đào luyện khả năng tổ chức, lãnh đạo tập thể giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn của đời sống pháp lý, đề xuất những ý tưởng và sáng kiến mới về xây dựng nhà nước pháp quyền, xã hội ki cương, công bằng, bình đẳng, dân chủ và văn minh.

### 3.4. *Giáo dục pháp luật cho cộng đồng dân cư, cho các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội*

Hệ thống giáo dục pháp luật này được thực hiện với việc biên soạn sách báo, tài liệu giải thích và tuyên truyền, phổ biến những kiến thức phổ thông, căn bản về nhà nước và pháp luật, pháp chế, xây dựng pháp luật, sử dụng và thực thi pháp luật... thông qua việc tổ chức các lớp học, khoá học, các phương tiện phát thanh và truyền hình... bảo đảm cho xã hội ngày càng trật tự, an toàn, công bằng và dân chủ.

Chương trình giáo dục pháp luật ở đây nhằm mục đích làm cho các công dân, các cộng đồng dân cư, các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội nhận thức và hiểu rõ được các quyền và nghĩa vụ chính đáng của họ, tạo điều kiện thuận lợi và động viên họ sử dụng các quyền và thực hiện các nghĩa vụ của họ một cách đầy đủ và trọn vẹn, tạo lập xã hội

dân chủ, công bằng, bình đẳng và ki cương... góp phần tích cực vào việc xây dựng đất nước và xã hội phát triển ổn định và bền vững.

### 3.5. *Giáo dục pháp luật trong các cơ quan, tổ chức chuyên về luật*

Hệ thống giáo dục pháp luật này bao gồm việc bồi dưỡng, cập nhật những kiến thức mới về pháp luật (lý luận và thực tiễn) để thường xuyên nâng cao trình độ, bồi dưỡng kiến thức cho các cán bộ pháp lý chuyên ngành trong các cơ quan nhà nước cũng như các tổ chức hành nghề pháp luật (như các cơ quan thuộc hệ thống lập pháp, tư pháp, toà án, viện kiểm sát, công an, văn phòng luật sư, tư vấn pháp lý, các tổ chức trọng tài thương mại...).

Chương trình giáo dục pháp luật ở đây là những bài giảng lý luận, giải thích pháp luật, phổ biến những chính sách mới, những văn bản pháp luật mới, hướng dẫn thực hành và nghiệp vụ, giải đáp thắc mắc về lý luận và thực tiễn... nhằm mục đích làm cho việc hỗ trợ cơ quan lập pháp, làm cho việc thực thi pháp luật, áp dụng pháp luật, kiểm tra giám sát việc thi hành và áp dụng pháp luật... đạt được hiệu quả cao nhất.

## 4. **Những thành tựu, những khiếm khuyết, bất cập của sự nghiệp giáo dục pháp luật Việt Nam trong những năm qua**

### 4.1. *Những thành tựu của sự nghiệp giáo dục pháp luật của Việt Nam trong những năm qua*

Trong hàng chục năm qua, nhất là từ khi Việt Nam tiến hành quá trình đổi mới và mở cửa, hội nhập khu vực ASEAN và quốc tế (từ năm 1986 đến nay) sự nghiệp giáo dục

pháp luật của Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn đáng ghi nhận. Thành tựu này được thể hiện qua những kết quả như sau:

a) Nhà nước đã từng bước thể chế hoá đường lối, chính sách giáo dục pháp luật của Đảng thành hệ thống các văn bản luật và dưới luật về giáo dục pháp luật làm căn cứ cho việc giáo dục pháp luật một cách có hiệu quả.

b) Nhà nước đã dành khoản ngân sách ngày càng tăng cho việc tăng cường nguồn lực về trí tuệ và cơ sở vật chất cho sự nghiệp giáo dục pháp luật. Điều đó đã có tác dụng quyết định đến việc các cơ quan nhà nước chuyên môn (Bộ giáo dục và đào tạo, Bộ tư pháp), các viện nghiên cứu khoa học pháp lí, các cơ sở đào tạo (trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học) đã biên soạn được hàng trăm cuốn sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu... về các kiến thức pháp luật cơ bản và chuyên ngành, trong việc trang bị cơ sở lí luận, quán triệt ý nghĩa và nội dung của pháp luật hiện hành cũng như hướng dẫn, huấn luyện những nghiệp vụ, kĩ năng cần thiết của nghề luật.

c) Các cơ sở đào tạo công lập và ngoài công lập (Việt Nam hiện có 12 cơ sở đào tạo luật ở trình độ đại học và trên đại học, 3 cơ sở đào tạo nghề luật) đã đào tạo được hàng chục vạn cán bộ pháp luật với nhiều trình độ khác nhau (trung cấp, cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ) có chất lượng ngày càng cao, phục vụ ngày càng tốt hơn việc xây dựng và hoàn thiện nền pháp chế của Việt Nam, góp phần đắc lực vào sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế-xã hội, hội nhập quốc tế của Việt Nam.

d) Trang bị kiến thức và sự hiểu biết về

pháp luật, xây dựng được ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật của đa số công dân trong các giai cấp, tầng lớp xã hội.

e) Tạo điều kiện thuận lợi và động viên, khuyến khích các công dân, các cơ quan, tổ chức trong xã hội phát huy dân chủ, tham gia tích cực vào quá trình xây dựng pháp luật, thi hành, áp dụng pháp luật cũng như hoàn thiện pháp luật.

g) Hợp tác, liên kết ngày càng đa dạng và ngày càng có hiệu quả trong lĩnh vực giáo dục pháp luật với các nhà nước, các tổ chức và cá nhân trong khu vực ASEAN cũng như trên toàn thế giới. Việt Nam đã gửi hàng nghìn công dân ưu tú đi học tập, nghiên cứu pháp luật ở các nước trong khối ASEAN cũng như ở nhiều nước trên thế giới. Việt Nam cũng đã đào tạo giúp các nước bạn (Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, Vương quốc Campuchia, Yemen, Trung Quốc...) hàng trăm cán bộ pháp luật, kể cả những cán bộ pháp luật có trình độ cao như thạc sĩ, tiến sĩ luật.

*4.2. Những khiếm khuyết, bất cập của sự nghiệp giáo dục pháp luật của Việt Nam trong những năm qua*

Bên cạnh nhiều thành tựu to lớn, đáng ghi nhận trong những năm qua, sự nghiệp giáo dục pháp luật của Việt Nam vẫn còn tồn tại một số khiếm khuyết và bất cập. Những khiếm khuyết và bất cập này được thể hiện cụ thể ở những điểm sau:

a) Chính sách của Nhà nước về giáo dục pháp luật đối với các tổ chức và công dân đôi khi chưa được thể chế hoá một cách kịp thời và đầy đủ thành những đạo luật và văn bản dưới luật cần thiết.

b) Tuy Điều 89 của Luật giáo dục năm 1998 quy định: “*Nhà nước dành ưu tiên hàng đầu cho việc bố trí ngân sách giáo dục, bảo đảm tỉ lệ ngân sách nhà nước chi cho giáo dục tăng dần theo yêu cầu phát triển của sự nghiệp giáo dục*”<sup>(4)</sup> nhưng những khoản chi từ ngân sách nhà nước, từ cộng đồng và xã hội cho giáo dục pháp luật còn chưa đáp ứng được yêu cầu của việc tăng cường cơ sở vật chất-kỹ thuật, biên soạn giáo trình, sách giáo khoa, bảo đảm đời sống ổn định cho những người tham gia sự nghiệp giáo dục pháp luật.

c) Kiến thức và trình độ hiểu biết pháp luật của một số cán bộ nhà nước, của những người lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp... chưa đáp ứng được những đòi hỏi ngày càng cao, ngày càng phong phú của công dân, của các tổ chức cũng như của việc giải quyết nhanh gọn, kịp thời những sự việc này sinh hàng ngày hàng giờ trong thực tiễn. Nhiều người chưa coi trọng việc sử dụng chuyên gia pháp lý trong hoạt động thực tiễn hàng ngày, phải thường xuyên khắc phục những hậu quả nặng nề do sự không hiểu biết pháp luật, không tôn trọng ý kiến tư vấn pháp luật gây ra.

d) Một số công dân ở thành thị cũng như ở nông thôn, nhất là dân cư ở vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo... vẫn chưa có được những kiến thức cơ bản, quan trọng nhất về pháp luật, pháp chế, chưa có ý thức tuân thủ và thực thi nghiêm chỉnh pháp luật, làm nảy sinh các hoạt động, hành vi trái pháp luật.

e) Việc áp dụng học chế tín chỉ trong đào tạo cán bộ pháp lý theo chủ trương chung của

Chính phủ, của Bộ giáo dục và đào tạo còn được chuẩn bị chưa bài bản, tiến hành chậm, bở ngỡ và không đồng đều trong các cơ sở đào tạo cán bộ pháp lý.

f) Nhà nước cũng như các cơ sở đào tạo luật chưa tận dụng được những cơ hội, điều kiện thuận lợi trong việc hợp tác, liên kết trong đào tạo cán bộ pháp luật trong khu vực ASEAN cũng như trên thế giới.

g) Vẫn còn số lượng không nhỏ những người đã tốt nghiệp các hệ đào tạo chuyên môn về luật không tìm được việc làm phù hợp với chuyên ngành được đào tạo hoặc không sống nổi bằng nghề luật, phải chuyển sang làm công việc khác hoặc phải làm thêm nghề khác song song với nghề luật...

Những khiếm khuyết và bất cập này đã gây ra những ảnh hưởng bất lợi không nhỏ đến sự nghiệp giáo dục pháp luật ở Việt Nam, hạn chế những thành công trong sự nghiệp trang bị kiến thức pháp lý cho các công dân và xã hội, trong quá trình xây dựng ý thức tuân thủ pháp luật, thi hành và áp dụng pháp luật có hiệu quả trong phạm vi nhà nước và xã hội.

### **5. Nội dung cơ bản của Hiến chương ASEAN liên quan đến hệ thống giáo dục pháp luật của Việt Nam**

Hiến chương ASEAN được những người đứng đầu nhà nước hoặc chính phủ của mười nước thành viên kí kết vào ngày 20/11/2007, đã được quốc hội của tất cả các quốc gia trong khối ASEAN phê chuẩn và có hiệu lực thi hành. Đây là văn bản pháp lý vô cùng quan trọng bảo đảm cho sự tồn tại bền vững và phát triển liên tục của ASEAN. Hiến

chương ASEAN có thể được coi là văn bản rất quan trọng mà hệ thống pháp luật của tất cả các nước thành viên cần phải tuân theo và cụ thể hoá trong hệ thống nội luật của mỗi nước. Với ý nghĩa như vậy, có thể nói Hiến chương ASEAN từ khi ra đời đến nay cũng như từ nay về sau có ảnh hưởng quan trọng tới sự nghiệp giáo dục pháp luật của Việt Nam.

Trong xã hội hiện đại cũng như trong xu thế của thời đại, dân chủ, pháp quyền, nhân quyền và các quyền tự do cơ bản của công dân là những giá trị tối thượng được coi trọng và được đưa lên hàng đầu. Đó là những điều kiện tiên quyết cho việc xây dựng xã hội văn minh, phát triển bền vững và ngày càng thịnh vượng. Chính vì vậy, trong Lời nói đầu của Hiến chương ASEAN, các nước trong Hiệp hội đã cam kết: “*Tuân thủ các nguyên tắc về dân chủ, pháp quyền và quản trị tốt, tôn trọng và bảo vệ nhân quyền và các quyền tự do cơ bản*”.<sup>(5)</sup> Điều này chỉ có thể được thực hiện thông qua việc xây dựng chính sách mới, hợp quy luật về giáo dục pháp luật và vận hành một hệ thống giáo dục pháp luật năng động, hữu hiệu của mỗi nước thành viên.

Hiến chương ASEAN đã hoàn toàn đúng đắn khi chỉ ra mục tiêu phấn đấu của các nước ASEAN là: “*Phát triển nguồn nhân lực thông qua hợp tác chặt chẽ hơn trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo lâu dài... để tăng cường quyền năng cho người dân ASEAN và thúc đẩy cộng đồng ASEAN*”.<sup>(6)</sup>

Cũng chỉ thông qua việc giáo dục pháp luật một cách bài bản và có kế hoạch, các

nước trong khối ASEAN mới có thể đạt được mục tiêu quan trọng và chủ yếu nhất của sự liên kết và hợp tác trong khối là: “*Xây dựng một thị trường và cơ sở sản xuất duy nhất với sự ổn định, thịnh vượng, khả năng cạnh tranh và liên kết kinh tế cao, tạo thuận lợi cho thương mại và đầu tư, bao gồm sự chu chuyển tự do hàng hoá, dịch vụ và dòng đầu tư, di chuyển thuận lợi của các doanh nhân, những người có chuyên môn cao, những người có tài năng và lực lượng lao động, và sự chu chuyển tự do hơn các dòng vốn*”.<sup>(7)</sup>

Việc các nước ASEAN quy định rằng Hiệp hội là “*một cộng đồng đùm bọc và chia sẻ*”, “*tôn trọng ý nghĩa lớn lao của sự thân thiện và hợp tác*”<sup>(8)</sup> đã bao hàm cả việc các nước trong khối ASEAN giúp đỡ, tương trợ lẫn nhau trong sự nghiệp giáo dục pháp luật, giúp nhau trong việc đào tạo ra đội ngũ các luật gia ngày càng giỏi về lí luận, thông thạo về nghiệp vụ, năng động trong hợp tác, liên kết... để phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển nền chính trị, nền văn hoá, phát triển kinh tế-xã hội... của mỗi nước cũng như của toàn bộ khối ASEAN.

## **6. Những phương hướng và giải pháp cụ thể cho việc hoàn thiện hệ thống giáo dục pháp luật của Việt Nam nhằm thi hành Hiến chương ASEAN**

### **6.1. Những phương hướng của việc hoàn thiện hệ thống giáo dục pháp luật của Việt Nam nhằm thi hành Hiến chương ASEAN**

Việc hoàn thiện hệ thống giáo dục pháp luật của Việt Nam nhằm thực thi Hiến chương ASEAN cần được thực hiện theo

những phương hướng sau:

- Phổ biến và tuyên truyền rộng rãi Hiến chương ASEAN đến mọi cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và mọi công dân của Việt Nam, nhất là đến những người tham gia vào sự nghiệp giáo dục pháp luật.

- Khẩn trương và kịp thời sửa đổi, bổ sung chính sách của Nhà nước Việt Nam về giáo dục pháp luật cho phù hợp với Hiến chương ASEAN.

- Đổi mới hệ thống và phương thức giáo dục pháp luật theo những mục tiêu và nguyên tắc được quy định trong Hiến chương ASEAN.

- Sửa đổi các văn bản pháp luật có khiếm khuyết và bất cập, ban hành các văn bản pháp luật mới về giáo dục pháp luật cho phù hợp với Hiến chương ASEAN. Phương hướng này là nhằm thực hiện quy định trong Điều 5 của Hiến chương ASEAN về các quyền và nghĩa vụ của mỗi nước, đó là: *“Các quốc gia thành viên sẽ tiến hành tất cả các biện pháp cần thiết, bao gồm cả việc ban hành nội luật thích hợp, để thực hiện hữu hiệu các điều khoản trong Hiến chương này...”*.<sup>(9)</sup>

- Mở rộng và làm sâu sắc thêm việc hợp tác giáo dục pháp luật giữa Việt Nam và các nước thành viên ASEAN cho phù hợp mục tiêu và nguyên tắc đã được nhất trí trong Hiến chương ASEAN. Giải thích, phổ biến, tuyên truyền các chính sách và văn bản của ASEAN về giáo dục pháp luật trong các tổ chức và công dân Việt Nam.

- Quy định cơ chế mới cho việc giáo dục pháp luật, như: Thông qua cơ chế tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cơ sở đào tạo cán bộ pháp lý trong việc tuyển sinh, xác

định chi tiêu đào tạo hàng năm, xây dựng chương trình đào tạo, phương thức đào tạo luật; đào tạo cán bộ pháp luật theo đơn đặt hàng của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, các công ti luật...; nâng cao mức học phí của người học để có điều kiện nâng cao chất lượng đào tạo luật; tăng thêm các khoản chi từ ngân sách nhà nước cho việc giáo dục pháp luật (như biên soạn, in ấn tài liệu, sách báo, đào tạo lí luận, huấn luyện kĩ năng thực hành của cán bộ pháp lý, trả lương cho lực lượng cán bộ giảng dạy và phục vụ đào tạo...)<sup>(10)</sup>

- Đẩy mạnh và mở rộng việc giáo dục pháp luật cho cộng đồng dân cư, cho các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội làm cho các công dân, cộng đồng dân cư, các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội sử dụng đầy đủ các quyền chính đáng, thực thi nghiêm túc các nghĩa vụ của mình, làm cho *“nhân dân và các quốc gia thành viên ASEAN được sống hoà bình với toàn thế giới nói chung trong một môi trường công bằng, dân chủ và hoà hợp”*<sup>(11)</sup> như mục tiêu đã được ghi nhận trong Hiến chương ASEAN.

- Nhà nước cho phép và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở đào tạo luật nhập khẩu và thực hiện các chương trình tiên tiến đào tạo cán bộ pháp luật có trình độ cao về lí luận và kĩ năng thực hành.<sup>(12)</sup>

- Thực hiện mục tiêu *“thu hẹp khoảng cách phát triển trong ASEAN thông qua hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau”*<sup>(13)</sup> trong lĩnh vực giáo dục pháp luật bằng việc tăng cường gửi công dân Việt Nam sang học luật (trình độ cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ, học nghề luật) ở các



nước có trình độ và khả năng đào tạo tốt; tăng cường việc tiếp nhận công dân của các nước trong và ngoài khối ASEAN đến thụ hưởng nền giáo dục pháp luật ở Việt Nam. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với quy định trong Điều 95 Luật giáo dục năm 1998 của Việt Nam: “*Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện cho công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu, trao đổi học thuật theo các hình thức tự túc hoặc bằng kinh phí do tổ chức, cá nhân ở trong nước cấp hoặc do tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ*”.<sup>(14)</sup>

### 6.2. Các giải pháp cụ thể cho việc hoàn thiện hệ thống giáo dục pháp luật của Việt Nam nhằm thi hành hiến chương ASEAN

Để góp phần hoàn thiện hệ thống giáo dục pháp luật của Việt Nam nhằm thực thi Hiến chương ASEAN, cần thực hiện các giải pháp cụ thể như sau:

- Khẩn trương và kịp thời sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật về giáo dục pháp luật có khiếm khuyết, bất cập cho phù hợp với các mục tiêu và nguyên tắc đã được quy định trong Hiến chương ASEAN.

- Tăng khoản chi ngân sách nhà nước, các nguồn tự có của các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam cho việc biên soạn tài liệu, giáo trình giảng dạy pháp luật, đào tạo nghề luật.

- Tăng lương (với nguồn từ ngân sách nhà nước và từ những nguồn tự có của các cơ sở đào tạo luật) cho những người tham gia sự nghiệp giáo dục pháp luật để họ có thể toàn tâm, toàn ý đóng góp trí tuệ, sức lực và lòng nhiệt tình cho sự nghiệp giáo dục pháp luật.

- Tăng mức học phí phải đóng góp đối

với những người học luật hoặc học nghề luật, để các cơ sở đào tạo có điều kiện và nguồn lực cần thiết cho việc hiện đại hoá các cơ sở vật chất-kĩ thuật, nâng cao chất lượng các tài liệu giảng dạy, học tập và cải thiện điều kiện sống, làm việc của những người thực thi hoạt động giáo dục pháp luật.

- Xây dựng và thi hành chế độ cho vay tín dụng đối với những người có nhu cầu vay tiền để học luật hoặc học nghề luật; áp dụng chế độ cấp học bổng một phần hay toàn phần cho những người học tập giỏi hoặc cần được khuyến khích giúp đỡ.

- Đẩy mạnh việc giảng dạy luật, nghiên cứu luật, xuất bản, trao đổi tài liệu, sách báo về luật, học tập chuyên ngành luật bằng tiếng Anh.

- Mở rộng việc áp dụng học chế tín chỉ trong tất cả các cơ sở đào tạo luật, bảo đảm và tạo điều kiện thuận lợi cho người học phát huy được tính tự chủ, chủ động, năng động, sáng tạo./.

(1). Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, *Từ điển bách khoa Việt Nam*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2002, tr. 124.

(2). Xem: Nghị quyết của Chính phủ nước Cộng hoà XHCN Việt Nam số 61/2007/NQ-CP, ngày 7/12/2007 Về việc đẩy mạnh công tác phổ biến và giáo dục pháp luật.

(3), (12). Xem: Bộ giáo dục và đào tạo, *Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020*.

(4), (14). Xem: Luật giáo dục năm 1998.

(5), (6), (7), (8), (9), (11), (13). Xem: Hiến chương ASEAN năm 2007.

(10). Xem: PGS.TS. Trần Ngọc Dũng (chủ nhiệm), Báo cáo phúc trình đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ “*Đào tạo cán bộ pháp luật có trình độ cao phục vụ cho việc hội nhập quốc tế của Việt Nam*”, Bộ tư pháp, Hà Nội, 2006.